

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Hữu Soái

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện Krông Ana, Đắk Lắk, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 127/2018/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc “*Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 127/QĐ/VHNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 128/QĐ-VHNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn 2, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Người liên quan: Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1972.

Tên trong giấy chứng nhận kết hôn của chị H2 là Lê Minh T, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 2, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 20, K5, trại giam T (Z30D), huyện H, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Anh Nguyễn Tấn H1 kết hôn với chị Nguyễn Thị H2 vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (khi đăng ký kết hôn chị H2 lấy tên khác là Lê Minh T, sinh năm 1986). Vợ chồng anh H1, chị H2 chung sống đến năm 2014 thì chị Nguyễn Thị H2 bị bắt theo Lệnh truy nã và bị

Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 10 năm tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra xác định chị Lê Minh T, sinh năm 1986, vợ anh Nguyễn Tấn H1 có tên thật là Nguyễn Thị H2, sinh năm 1972. Anh H1 có cung cấp 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Nguyễn Thị H2 với anh Lê T vào ngày 12/7/1991 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh H. Do chị H2 đang có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Lê T nhưng lại đổi tên thành Lê Minh T để kết hôn với anh H1 nên anh H1 làm đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật với chị Nguyễn Thị H2.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tấn Việt A sinh ngày 25/11/2013, khi Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh H1 với chị H2 thì đề nghị Tòa án giao cháu Anh cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H2 phải cấp dưỡng nuôi con.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H2 trình bày:

Tôi tên thật là Nguyễn Thị H2, tên gọi khác là Lê Thị Minh C, Lê Minh T. Vào năm 1991, tôi có đăng ký kết hôn với anh Lê T tại UBND xã V, huyện C, tỉnh H. Tôi và anh T chưa giải quyết ly hôn. Năm 2012, tôi có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1984 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vì lý do gia đình nên tôi lấy tên Lê Minh T để kết hôn với anh Nguyễn Tấn H1. Tôi chung sống với anh H1 từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 6 năm 2014. Chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Tấn Việt A sinh ngày 25/11/2013. Lúc kết hôn với anh H1, anh H1 không biết tôi có tên khác là Nguyễn Thị H2 và đã kết hôn với anh Lê T. Tôi không đồng ý hủy kết hôn trái pháp luật giữa tôi và anh H1, không đồng ý giao con chung cho anh H1 nuôi.

Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: TAND huyện Krông Ana thụ lý giải quyết yêu cầu hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b, khoản 2 Điều 35 và Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm c, khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 10, Điều 11 và Điều 12, Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tấn H1, tuyên hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Tấn H1 và chị Nguyễn Thị H2.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Tấn Việt A, sinh ngày 25/11/2013 cho anh Nguyễn Tấn H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Người yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là anh Nguyễn Tấn H1 có địa chỉ tại huyện Krông Ana, do đó, căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy: Chị Nguyễn Thị H2 và anh Lê T có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/1991, tại UBND xã V, huyện C, tỉnh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, đến ngày 31/10/2012, Chị Nguyễn Thị H2 lấy tên khác là Lê Minh T và đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Tấn H1 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo xác minh của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H thì giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là độc thân của chị Lê Minh T tại UBND xã T, huyện C, tỉnh H là giả mạo. Việc chị Nguyễn Thị H2 đang có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Lê T mà lại lấy tên khác là Lê Minh T và làm giả giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để tiếp tục đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Tấn H1 là vi phạm quy định về những trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu của anh Nguyễn Tấn H1 đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Tấn H1 với chị Nguyễn Thị H2 là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Giải quyết hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật.

- Anh Nguyễn Tấn H1 và chị Nguyễn Thị H2 (tên trong giấy đăng ký kết hôn: Lê Minh T) phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

Về con chung: Anh Nguyễn Tấn H1 và chị Nguyễn Thị H2 có một con chung là Nguyễn Tấn Việt A sinh ngày 25/11/2013. Hiện nay chị H2 đang phải chấp hành hình phạt tù nên cần giao cháu A cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi cho con chưa thành niên. Anh H1 không yêu cầu chị H2 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Chị H2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc anh Nguyễn Tấn H1 phải chịu 300.000đ lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 29; điểm b, khoản 2 Điều 35 và Điều 40; Điều 367; 369; 370; 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c, khoản 2 Điều 5; điểm b, khoản 2 Điều 10; Điều 11 và Điều 12, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 4, Điều 2, Điều 3, Điều 4 thông tư liên tịch số 01/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp.

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Nguyễn Tấn H1 về việc “Hủy việc kết hôn trái pháp luật”.

Tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Tấn H1 và chị Nguyễn Thị H2; tên trong giấy đăng ký kết hôn là Lê Minh T (đăng ký ngày 31/10/2012 tại UBND xã Q, huyện K).

Giải quyết hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật.

- Anh Nguyễn Tấn H1 và chị Nguyễn Thị H2 (tên trong giấy đăng ký kết hôn: Lê Minh T) phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Tấn H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Tấn Việt Anh, sinh ngày 25/11/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H2 (tên trong giấy đăng ký kết hôn: Lê Minh T) có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Tấn H1 phải chịu 300.000đ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự được khấu trừ vào số tiền mà anh H1 đã nộp theo biên lai thu số 0005732 ngày 02/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, kể từ kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Lê Hữu Soái